

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 328/TTr-TNMT ngày 09/6/2023, Công văn số 2381/TNMT-BVMT ngày 22/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tân Yên, địa chỉ trụ sở chính tại thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà xưởng, lò rác và hệ thống phụ kiện xử lý rác thải xã Quế Nham, huyện Tân Yên” tại thôn Đông Bền, xã Quế Nham, huyện Tân Yên, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà xưởng, lò rác và hệ thống phụ kiện xử lý rác thải xã Quế Nham, huyện Tân Yên.

1.2. Chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tân Yên.

1.3. Địa điểm hoạt động: thôn Đông Bền, xã Quế Nham, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND huyện Tân Yên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Nhà xưởng, lò rác và hệ thống phụ kiện xử lý rác thải xã Quế Nham, huyện Tân Yên”.

Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 26/4/2016 của Chủ tịch UBND huyện Tân Yên về việc thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tân Yên.

1.5. Mã số thuế: 2400485680.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xử lý rác thải.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

a) Phạm vi: Dự án được thực hiện trên diện tích 2.500 m² thuộc thôn Đông Bền, xã Quế Nham, huyện Tân Yên.

b) Quy mô, công suất của dự án đầu tư

* Quy mô dự án:

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có công suất lò đốt rác đạt 700 kg/giờ, thuộc loại hình dự án có nguy cơ ô nhiễm môi trường công suất trung bình (được quy định tại Cột 4 Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

* Quy mô đầu tư:

- Nhà xưởng:

+ Xây dựng mới nhà xưởng với diện tích khoảng 720 m², số tầng cao 1 tầng, nền đổ bê tông mác 250# với chức năng chứa rác và đặt hệ thống dây chuyền xử lý rác thải. Dự kiến kết cấu bằng khung thép tiền chế, gồm 02 khu chức năng chính là khu chứa rác sinh hoạt và khu đặt hệ thống máy xử lý rác, mái lợp Fibroximăng.

+ Bể chức năng: Tổng diện tích xây dựng khoảng 100 m², bao gồm: Bể chứa nước rỉ, bể rửa khói; bể dung dịch và bể nước sạch.

- Thiết bị lò đốt rác: Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt 700 kg/giờ (kích thước khoảng D_xR_xC = 5,6 x 2,34 x 4,5m), bao gồm các nội dung chính như sau:

+ Thân lò đốt chính, bao gồm: buồng đốt sơ cấp và buồng đốt thứ cấp, buồng lưu khói tích hợp giải nhiệt khí thải, van bypass đóng mở, quạt gió điện 3 pha.

+ Sàn ghi sậy bằng gang, kích thước D_xR = 1,05 x 0,4 m.

+ Tầng vòm bức xạ: Buồng đốt có bố trí một tầng vòm bức xạ bằng bê tông chịu lửa và gạch chịu lửa, kích thước D_xR = 1,8 x 1,05 m.

+ Hệ thống xử lý khói thải đồng bộ: Bao gồm thiết bị hấp thụ, quạt khói, hệ thống bơm dung dịch, các hệ thống phụ trợ.

+ Băng tải, hệ thống cấp rác tự động: Kích thước danh nghĩa của thiết bị cấp D_xR_xC = 1,275 x 0,65 x 0,3m.

+ Hệ thống điện điều khiển: Gồm tủ điện điều khiển sơn tĩnh điện, attomat tổng, các contactơ, các nút bấm, đèn báo tín hiệu, các role trung gian...và thiết bị đi kèm.

+ Máy xúc lật: Máy xúc lật bánh lốp, dung tích gầu 0,5m³.

+ Các nội dung khác: Thiết bị néo cột, chống sét, quạt gió, quạt khói, tủ điều khiển, sàn thao tác và một số thiết bị dùng lắp đặt theo yêu cầu.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tân Yên được cấp Giấy phép môi trường

1. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tân Yên có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tân Yên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tân Yên, nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tân Yên.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Tân Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Nhà xưởng, lò rác và hệ thống

phụ kiện xử lý rác thải xã Quế Nham, huyện Tân Yên” tại thôn Đông Bền, xã Quế Nham, huyện Tân Yên của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tân Yên được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 249/QĐ-TNMT ngày 29/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tân Yên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND huyện Tân Yên; UBND xã Quế Nham; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tân Yên và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tân Yên (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, MT.Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 do nước thải phát sinh từ dự án được tái sử dụng cho bể dung dịch của hệ thống xử lý khí thải lò đốt chất thải rắn sinh hoạt, không xả thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước rỉ rác được thu gom bằng rãnh bê tông có chiều dài 46 m, lòng rộng 35 cm có nắp đậy tấm đan chắn rác bố trí xung quanh khu vực tập kết rác, sau đó đưa về bể xử lý nước rỉ rác để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, dung tích 6 m³, sau đó được thu gom về bể xử lý nước rỉ rác qua đường ống nhựa PVC D110 với tổng chiều dài 27 m để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại và nước rỉ rác → Bể xử lý 5 ngăn thể tích 63,2 m³ (gồm: ngăn lắng 1, thể tích 15,8 m³ → ngăn lắng 2, thể tích 7,9 m³ → ngăn lọc cát sỏi, than hoạt tính, thể tích 7,9 m³ → ngăn thủy sinh, thể tích 15,8 m³ → ngăn chứa nước thải sau xử lý, thể tích 15,8 m³) → Bể chứa dung dịch hấp thụ để tuần hoàn sử dụng xử lý khí thải của dự án, không xả nước thải ra môi trường.

- Nước thải từ quá trình thay thế dung dịch xử lý khí thải tại bể chứa dung dịch hấp thụ (thể tích 51 m³) cùng với nước thải sinh hoạt và nước rỉ rác → ngăn lọc cát sỏi, than hoạt tính (thể tích 7,9 m³) của bể xử lý 5 ngăn → ngăn thủy sinh (thể tích 15,8 m³) → ngăn chứa nước thải sau xử lý (thể tích 15,8 m³) → Bể chứa dung dịch hấp thụ để tuần hoàn sử dụng xử lý khí thải của dự án, không xả nước thải ra môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố bể xử lý nước thải

- Thường xuyên kiểm tra các bể xử lý nước thải, hệ thống thu gom để khắc phục kịp thời các hư hỏng.

- Tiến hành nạo vét hệ thống thu nước rỉ rác (định kỳ 03 tháng/lần) để đảm bảo việc thu gom được thông suốt.

- Trường hợp xảy ra sự cố đối với bể xử lý nước thải phải tạm dừng lò đốt cho đến khi khắc phục xong sự cố.

- Trường hợp bể xử lý nước rỉ rác bị rò rỉ, sập, vỡ kết cấu, sẽ thực hiện thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải, mang đi xử lý theo quy định và tiến hành khắc phục sự cố. Trong thời gian khắc phục sự cố, đơn vị được bàn giao vận hành dự án sẽ bố trí bồn chứa nước rỉ rác, nước thải từ nhà vệ sinh và thực hiện xử lý sau khi khắc phục xong sự cố.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với bể xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tân Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /6/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: 01 nguồn khí thải từ lò đốt chất thải rắn sinh hoạt công suất 700 kg/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải từ ống khói sau hệ thống xử lý khí thải lò đốt chất thải rắn sinh hoạt công suất 700 kg/giờ.

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả khí thải: 01 vị trí sau ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò đốt chất thải rắn sinh hoạt công suất 700 kg/giờ.

- Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2360170; Y = 413268 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 120.000 m³/ngày đêm, tương đương 10.000 m³/giờ (01 ngày hoạt động 12 tiếng).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục trong thời gian làm việc (01 ngày hoạt động 12 tiếng).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn sinh hoạt (QCVN 61-MT:2016/BTNMT).

Nồng độ (C) của các thông số ô nhiễm trong khí thải lò đốt chất thải rắn sinh hoạt:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 61-MT:2016/BTNMT)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	100	01 lần/năm
2	Axit Clohydric, HCl	mg/Nm ³	50	
3	Cacbon monoxyt, CO	mg/Nm ³	250	
4	Lưu huỳnh dioxyt, SO ₂	mg/Nm ³	250	
5	Nitơ oxyt, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	500	
6	Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg	mg/Nm ³	0,2	
7	Cadimi và hợp chất tính theo Cadimi, Cd	mg/Nm ³	0,16	
8	Chì và hợp chất tính theo chì, Pb	mg/Nm ³	1,2	
9	Tổng Dioxin/furan	ngTEQ/Nm ³	0,6	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Khí thải từ lò đốt rác sơ cấp di chuyển sang buồng đốt thứ cấp. Buồng đốt thứ cấp được thiết kế kiêm chức năng tách bụi kiểu cyclone kết hợp trọng lực. Buồng tách bụi tích hợp trong buồng đốt thứ cấp được thiết kế có chức năng tách các hạt bụi lớn và được đưa đến khoang chứa tro xỉ của dự án.

- Sau khi tách bụi sơ bộ tại buồng đốt thứ cấp, khí thải tiếp tục di chuyển đến thiết bị lưu khí. Tại đây, khí thải được xử lý kiểu nhiệt phân, kiêm chức năng tách bụi kiểu khí động học, tách các hạt bụi nhỏ đến 0,01 mm ra khỏi dòng khí trước khi sang thiết bị giải nhiệt. Thiết bị lưu khí có kích thước $D \times R \times C = (1,5 \times 1,5 \times 1,77)$ m, trọng lượng 3.250 kg.

- Khí thải sau khi được xử lý tại thiết bị lưu khí tiếp tục qua thiết bị giải nhiệt để hạ nhiệt độ. Thiết bị trao đổi nhiệt có kích thước $D \times R \times C = (1.450 \times 1.450 \times 750)$ mm, trọng lượng 750kg. Khí thải ra khỏi thiết bị trao đổi nhiệt có nhiệt độ trung bình dưới 200°C , sau đó được đưa đến tháp hấp thụ kiểu ướt, tại đây dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ phun trực tiếp vào dòng khí thải có tác dụng khử mùi và xử lý khí thải, dung dịch sau hấp thụ được thu hồi tuần hoàn về bể chứa dung dịch hấp thụ thể tích 51 m^3 , gồm 4 khoang (khoang xả bùn 3 m^3 , khoang chứa dung dịch thu hồi và châm dung dịch kiềm 28 m^3 , khoang lắng dung dịch 12 m^3 , khoang dung dịch sau lắng 8 m^3).

- Khí thải sau khi được xử lý qua tháp hấp thụ kiểu ướt sẽ tiếp tục được đưa đến tháp hấp phụ bằng than hoạt tính có kích thước $D \times H = (1,27 \times 5,63)$ m với vật liệu bằng inox 304. Khí thải tiếp tục qua bể rửa để vừa giải nhiệt vừa dập bụi, sau đó thoát ra ngoài môi trường qua ống khói đường kính 478mm, cao 25m; bể rửa khói có kích thước $D \times R \times C = (4,0 \times 2,78 \times 1,8)$ m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải từ buồng đốt sơ cấp → Buồng đốt thứ cấp → Thiết bị lưu khí tích hợp thiết bị giải nhiệt khí thải → Thiết bị gia nhiệt khói ẩm → Tháp hấp thụ (dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$) → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Bể rửa khí → Ống khói ra môi trường (*khí thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 61-MT:2016/BTNMT, nhiệt độ khí thải ra môi trường $< 150^{\circ}\text{C}$*).

- Công suất thiết kế: $10.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ $\text{Ca}(\text{OH})_2$: 45 tấn/năm.

+ Than hoạt tính: 280 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với công trình xử lý khí thải

*** Biện pháp phòng ngừa:**

- Thường xuyên kiểm tra và bổ sung nước ($3m^3$ /ngày), dung dịch kiềm vào bể dung dịch, bể rửa khí.

- Thay thế dung dịch xử lý khí thải (định kỳ 07 ngày/lần) để tăng hiệu suất xử lý của hệ thống xử lý khí thải.

- Bảo dưỡng định kỳ hệ thống quạt hút, hệ thống phun chế phẩm để đảm bảo việc vận hành tránh xảy ra sự cố.

*** Biện pháp ứng phó:**

Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải tiến hành tạm dừng lò đốt cho đến khi khắc phục xong sự cố. Khi đó, toàn bộ lượng rác thải sẽ được lưu chứa vào khu tập kết, đồng thời phun hóa chất khử mùi, khử côn trùng lên bãi tập kết rác thải (tần suất 02 lần/ngày) cụ thể:

+ Hóa chất khử mùi: Sử dụng chế phẩm EM pha loãng với nước sạch theo tỷ lệ 1/7 (mùa khô) và 1/5 (mùa mưa).

+ Hóa chất diệt ruồi, muỗi: Sử dụng thuốc Mapperme 50EC pha loãng với nước sạch theo tỷ lệ 1/60 (mùa khô) và 1/50 (mùa mưa).

Sau khi khắc phục xong sự cố, tiến hành vận hành lò, các công trình xử lý chất thải đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật để lò hoạt động an toàn và xử lý chất thải đạt quy chuẩn quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 01 tháng (trong khoảng thời gian từ ngày 03/7/2023 đến ngày 03/8/2023).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải lò đốt chất thải sinh hoạt công suất 700 kg/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống khói của lò đốt sau hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Kế hoạch lấy mẫu	Thông số giám sát	Số lượng mẫu	Tần suất lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu
1	Lấy mẫu khí thải sau xử lý trong 3 ngày liên tiếp	Bụi tổng, HCl, CO, SO ₂ , NO _x (tính theo NO ₂), Hg, Cd, Pb, Tổng Dioxin/furan	03 mẫu đơn khí thải sau xử lý	Tần suất quan trắc là 01 ngày/lần	Lần 1: Ngày 01/7/2023
					Lần 2: Ngày 02/7/2023
					Lần 3: Ngày 03/7/2023

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tân Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /6/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 01 nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của hệ thống lò đốt rác.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 01 vị trí tại khu vực vận hành lò đốt rác. Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107^0 , múi chiếu 3): X = 2360188; Y = 413271.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, độ rung (QCVN 24:2016/BYT; QCVN 27:2016/BYT), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	85	85	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	1,4m/s ² (103dB)	1,4m/s ² (103dB)	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng định kỳ các loại máy móc, thiết bị và kiểm tra độ mòn của các chi tiết máy, tra dầu bôi trơn định kỳ.

- Kiểm tra sự liên kết giữa động cơ, khớp nối và trục quạt. Bất kì sự điều chỉnh nào thực hiện cho khớp nối phải được sự hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Guồng cánh bị bụi bẩn hoặc bị mòn, gỉ không đều cần bảo dưỡng để cân bằng động lại.

- Công nhân làm việc liên tục tại công đoạn có tiếng ồn cao được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn (như: nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ lao động,...).

- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân.

- Thực hiện trồng dải cây xanh cách ly rộng 3m quanh khu vực phía Bắc, phía Tây, phía Nam dự án; đối với khu vực phía Đông bố trí 04 bồn cây kích thước 1,5 x1,5 m, diện tích trồng cây xanh của dự án 500 m² (chiếm 20% diện tích dự án).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /6/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/tháng)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	0,5
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	5,0
3	Bao bì thải có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại bằng nhựa (thùng chứa thải, can đựng dầu thải...)	Rắn	2,0
4	Găng tay, giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	0,5
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	1,0
6	Than hoạt tính thải từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	23,3
7	Cặn lắng tại bể dung dịch	Rắn	20,0
	Tổng cộng		52,3

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 0,778 tấn/ngày.

- Chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

+ Chất thải không đốt được phát sinh từ việc phân loại rác thải trước khi đốt (bao gồm: đất đá, gạch, thủy tinh,...) khoảng 0,252 tấn/ngày.

+ Chất thải có thể tái chế được phát sinh từ việc phân loại rác thải trước khi đốt (bao gồm: nhựa, kim loại, nilon,...) khoảng 0,048 tấn/ngày.

+ Tro, xỉ thải phát sinh sau quá trình đốt khoảng 0,456 tấn/ngày.

+ Vật liệu lọc từ bể xử lý nước thải 05 ngăn (cát, sỏi, than hoạt tính) khoảng 0,022 tấn/ngày (định kỳ 03 tháng/lần thay thế vật liệu lọc).

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 02 kg/ngày, tương đương 60 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 06 thùng phuy có nắp đậy loại 200 lít/thùng có dán mã, tên của từng loại chất thải nguy hại.

Đơn vị được giao quản lý dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại mang đi xử lý theo quy định (tần suất 01 lần/năm).

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại

- Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 6 m².

- Thiết kế, cấu tạo kho chứa: Tường xây gạch, trát vữa xi măng, mái lợp tôn, cửa thép, bên ngoài có lắp biển cảnh báo nguy hại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải có thể tái chế được (bao gồm: nhựa, kim loại, nilon,...) thu gom vào 03 thùng chứa loại 150 lít/thùng, đặt gần khu tập kết rác thải và sau đó bán cho các đơn vị thu mua làm nguyên liệu tái chế.

- Chất thải không đốt được (bao gồm: đất đá, gạch, thủy tinh,...) được thu gom vào các bao tải, sau đó mang đi chôn lấp hàng ngày tại bãi chôn lấp tro xỉ của dự án.

- Tro, xỉ thải phát sinh hàng ngày được thu gom vào các bao tải, lưu chứa tại vị trí cuối nhà xưởng và được xử lý bằng cách chôn lấp tại bãi chôn lấp trong khu vực dự án.

2.2.2. Khu vực chôn lấp có diện tích 400 m², gồm 20 ô chôn lấp nhỏ có kích thước 5m x 4m x 4 m/ô, lớp đáy có lót màng chống thấm HDPE. Thực hiện chôn lấp đầy từng ô chôn lấp và tiến hành lu nèn, phủ lớp đất lên và trồng cây xanh trên bề mặt ô chôn lấp.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Bố trí 02 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy loại 50 lít/thùng, đặt tại khu nhà vệ sinh và khu vực nhà vệ sinh để thu gom. Chất thải sau khi được thu gom sẽ được xử lý tại lò đốt rác của dự án (không thực hiện nấu ăn tại dự án).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối

với hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động đốt rác thải, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý bụi, khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động trở lại lò đốt rác thải sau khi xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /6/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường

- San gạt, cải tạo mặt bằng khu vực bãi chôn lấp tro, xỉ (diện tích 400 m²): san gạt lớp đất phủ, bổ sung đất hữu cơ tạo mặt bằng để trồng cây trên khu vực san gạt. Khối lượng đất cần san gạt, lu lèn khoảng 240 m³; khối lượng đất hữu cơ cần bổ sung vào các hố trồng cây (67 hố) khoảng 4,3 m³.

- Sau khi san gạt xong thực hiện trồng cây trên mặt bằng khu vực bãi chôn lấp tro, xỉ và chăm sóc cây trong 03 năm (lựa chọn giống cây trồng là cây keo lai, mật trồng cây 1.660 cây/ha).

2. Kinh phí cải tạo phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: **11.935.000** đồng.

- Phương thức ký quỹ: Ký quỹ 01 lần bằng 100% tổng số tiền phải ký quỹ nêu trên.

- Thời điểm ký quỹ: Sau khi giấy phép môi trường được cấp.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Giang.

3. Thời gian thực hiện cải tạo phục hồi môi trường

Sau khi bãi chôn lấp tro, xỉ được lấp đầy, dự kiến thời gian thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường từ tháng 6/2033 đến tháng 7/2033. Sau đó chăm sóc cây trồng trong 03 năm tiếp theo.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành các bể xử lý nước thải tại dự án đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh để tái sử dụng cấp cho bể dung dịch, không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước mặt xung quanh khu vực.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải tại dự án đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ lượng khí thải phát sinh từ lò đốt rác đạt QCVN 61-MT:2016/BTNMT trước khi xả thải ra môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tân Yên trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát; thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 328/TTr-TNMT ngày 09/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án.